

Bản án số: 165/2026/HNGĐ-ST

Ngày 18-8- 2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Trương Văn Luân

2. ông Đinh Ngọc Phúc

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:
ông Trần Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2026/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 31/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Hà Văn D**, sinh năm 1991

Địa chỉ: **thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên.**

2. Bị đơn: chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1999

Địa chỉ: **thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên.**

(anh **D** xin vắng mặt; chị **T** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Hà Văn D** trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị **Nguyễn Thị T** kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2018 tại trụ sở **UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã T, tỉnh Hưng Yên**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị **T** có các mối quan hệ bên ngoài dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 4 năm 2026, vợ chồng không khắc

phục được, đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án cho anh xin ly hôn chị **T**.

Về nuôi con chung: anh và chị **T** có 02 con chung là **Hà Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 05/4/2019 và **Hà Tuệ A**, sinh ngày 09/9/2021. Nếu ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị **T** góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận anh đề nghị Tòa án cho anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

*Tại bản tự khai, bị đơn chị **Nguyễn Thị T** trình bày:*

Về hôn nhân: chị và anh **Hà Văn D** kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2018 tại trụ sở **UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã T, tỉnh Hưng Yên**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 4 năm 2026, vợ chồng không khắc phục được, đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh **D** có đơn xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: chị và anh **D** có 02 con chung là **Hà Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 05/4/2019 và **Hà Tuệ A**, sinh ngày 09/9/2021. Nếu ly hôn chị nhường anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **D**.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai cháu **H Nguyễn Ngọc L** trình bày:* cháu là con chung của bố **D** và mẹ **T**. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở cùng bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **D** thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **T** không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh **Hà Văn D** và chị **Nguyễn Thị T**. Về nuôi con chung: xử giao cho anh **Hà Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung **Hà Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 05/4/2019 và **Hà Tuệ A**,

sinh ngày 09/9/2021. Chị **T** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Chị **T** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **D**. Về chia tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: anh **D** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng:* anh **Hà Văn D** khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị **Nguyễn Thị T**, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho chị **T**, chị **T** biết việc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa anh **D** và chị nhưng do chị **T** không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **T** theo trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* anh **Hà Văn D** kết hôn với chị **Nguyễn Thị T** tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2018 tại **UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã T, tỉnh Hưng Yên**, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh **D** và chị **T** không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2026 đến nay. HĐXX thấy anh **D** và chị **T** mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh **D** xin ly hôn, chị **T** nhất trí ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh **D**, xử cho anh **D** được ly hôn chị **T** là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung:* anh **D** và chị **T** có 02 con chung là **Hà Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 05/4/2019 và **Hà Tuệ A**, sinh ngày 09/9/2021; anh **D** và chị **T** đều thống nhất nếu ly hôn anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, hơn nữa cháu **L** có nguyện vọng ở cùng bố, HĐXX thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm quy định của pháp luật nên cần giao cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung **Hà Nguyễn Ngọc L** và **Hà Tuệ A** và chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của anh **D** không yêu cầu chị **T** góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **D** là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản:* anh **D** và chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: anh **D** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: cho ly hôn giữa anh **Hà Văn D** và chị **Nguyễn Thị T**.

2. *Về nuôi con chung*: xử giao cho anh **Hà Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung **Hà Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 05/4/2019 và **Hà Tuệ A**, sinh ngày 09/9/2021. Chị **T** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **D**. Chị **T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: anh **Hà Văn D** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh **D** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002535 ngày 15/5/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên (anh **D** đã nộp đủ).

5. *Về quyền kháng cáo*: anh **Hà Văn D** và chị **Nguyễn Thị T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thủy

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 8;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tiên La;
- Lưu hồ sơ HC - TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

